

# QUAN ĐIỂM CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC - GIÁ TRỊ VẬN DỤNG TRONG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. NGUYỄN THỊ HÀ,

TS. NGUYỄN VĂN TẠO

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** *Bảo đảm lợi ích chân chính của các dân tộc là nguyện vọng của nhân loại tiến bộ, điều này đã được C.Mác, Ph.Ăngghen xây dựng nền móng lý luận vững chắc, đồng thời hiện thực hóa bằng những chỉ dẫn có giá trị sâu sắc. Ngày nay, mặc dù bối cảnh mới đã có nhiều thay đổi, song những luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen về vấn đề dân tộc vẫn mang tính thời đại - là cơ sở lý luận, phương pháp luận đúng đắn để giải quyết vấn đề dân tộc ở các quốc gia trên thế giới. Trên cơ sở làm rõ những luận điểm cơ bản của C.Mác, Ph.Ăngghen về vấn đề dân tộc bài viết khẳng định giá trị của những luận điểm đó trong vận dụng giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.*

● **Từ khóa:** *C.Mác; Ph.Ăngghen; Vấn đề dân tộc.*



Mặc dù C.Mác và Ph.Ăngghen tiếp cận vấn đề dân tộc chủ yếu ở cấp độ dân tộc - quốc gia song trong một số tác phẩm kinh điển như *Hệ tư tưởng Đức, Biện chứng của tự nhiên...* hai ông đã đề cập đến hình thức cộng đồng người tiền dân tộc. Điển hình là bàn về nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển dân tộc qua hai “mắt xích” là thị tộc, bộ lạc<sup>1</sup> rồi chuyển thành dân tộc. Quá trình hình thành dân tộc được diễn ra gắn liền với sự xuất hiện của giai cấp và nhà nước mà suy cho cùng, động lực kinh tế đóng vai trò quyết định. Đặc biệt, trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (năm 1848), C.Mác

và Ph.Ăngghen đã đặt vấn đề dân tộc trong mối quan hệ hữu cơ với vấn đề giai cấp trong hình thái nhà nước đương đại là nhà nước tư sản. Bên cạnh đó, vấn đề đoàn kết, bình đẳng dân tộc cũng được C.Mác và Ph.Ăngghen đề cập đến như một trong những nội dung quan trọng trong cuộc cách mạng giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em, sống đoàn kết hòa thuận trên một đất nước thống nhất; tuy nhiên, sự đa dạng của các dân tộc cũng đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm và giải quyết. Những luận điểm về dân tộc của C.Mác và Ăngghen vẫn còn

những giá trị lớn trong việc vận dụng để giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam trên cả hai phương diện dân tộc (quốc gia) và dân tộc (tộc người) trong bối cảnh hiện nay.

### 1. Nội dung cốt lõi của C.Mác và Ph.Ăngghen về dân tộc

#### *Thứ nhất, cơ sở hình thành dân tộc.*

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, sự hình thành và phát triển dân tộc là một hiện tượng lịch sử - xã hội phức tạp, mà căn nguyên sâu xa, tác nhân cơ bản để chuyển các hình thức cộng đồng người trước *dân tộc* sang hình thức *dân tộc* chính là sự vận động của sản xuất và đời sống. Đồng thời, chịu sự tác động chi phối trực tiếp của nhân tố chính trị, giai cấp và nhà nước trong việc tổ chức đời sống xã hội của các cộng đồng người, gắn liền với truyền thống lịch sử và văn hóa của từng dân tộc. Trong đó, chính các mối liên kết về kinh tế đã làm tăng tính cố kết của cộng đồng người đồng đảo trong một lãnh thổ rộng lớn thành cộng đồng dân tộc.

Dân tộc là hình thức cộng đồng người xuất hiện sau bộ tộc, ra đời gắn với xã hội có giai cấp, nhà nước. Trong nhiều tác phẩm của mình, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề cập đến sự ra đời của các dân tộc khi chưa xuất hiện chủ nghĩa tư bản: “Sự đối lập giữa thành thị và nông thôn xuất hiện cùng với bước quá độ từ thời đại dã man lên thời đại văn minh, từ chế độ bộ tộc lên nhà nước, từ tính địa phương lên dân tộc và cứ tồn tại mãi suốt toàn bộ lịch sử văn minh cho đến ngày nay”<sup>2</sup>.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, khi phân tích quá trình hình thành, phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng: “Giai cấp tư sản ngày càng xóa bỏ tình trạng phân tán về tư liệu sản xuất, về tài sản và về dân cư. Nó

tụ tập dân cư, tập trung các tư liệu sản xuất, và tích tụ tài sản vào trong tay một số ít người. Kết quả tất nhiên của những thay đổi ấy là sự tập trung về chính trị. Những địa phương độc lập, liên hệ với nhau hầu như chỉ bởi những quan hệ liên minh và có những lợi ích, luật lệ, chính phủ, thuế quan khác nhau, thì đã tập hợp lại thành một dân tộc thống nhất, có một chính phủ thống nhất, một luật pháp thống nhất, một lợi ích dân tộc thống nhất mang tính giai cấp và một hàng rào thuế quan thống nhất”<sup>3</sup>. Theo đó, quá trình hình thành dân tộc tư sản gắn liền với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở châu Âu. Do nhu cầu khách quan của quá trình sản xuất cần liên kết các mối quan hệ xã hội, vốn dĩ tồn tại biệt lập trong lãnh địa phong kiến... cứ như thế, từng bước, dân tộc tư sản được hình thành và phát triển, đại diện cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tiến bộ hơn so với trước đó.

#### *Thứ hai, các phương thức hình thành dân tộc.*

Mặc dù chưa có điều kiện nghiên cứu toàn diện phương thức hình thành dân tộc trên thế giới, nhất là ở phương Đông, song C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra ba phương thức hình thành dân tộc chủ yếu:

*Một là, phương thức hình thành dân tộc tiền tư bản.* Trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề cập tới sự ra đời của các dân tộc khi chưa xuất hiện chủ nghĩa tư bản. Dân tộc ra đời là một hiện tượng xã hội mang tính tất yếu khách quan, có quá trình hình thành và phát triển trong tiến trình phát triển của xã hội loài người. Theo C.Mác, loại hình dân tộc tiền tư bản thực chất là gắn với phương thức hình thành dân tộc ở châu Á, gắn với “phương thức sản xuất châu Á”. Đặc thù của phương thức sản xuất này là chế độ sở

hữu tư nhân về ruộng đất không điển hình; sự tồn tại dai dẳng của công xã nông thôn và tính không rõ ràng trong những bước chuyển biến của xã hội từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác với những quốc gia điển hình như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam..., trong khi đó ở châu Âu và các lục địa khác hình thức cộng đồng người cơ bản vẫn là bộ lạc, bộ tộc.

*Hai là, phương thức hình thành dân tộc ở châu Âu.* C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ, quá trình xuất hiện dân tộc tư sản gắn liền với sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa tư bản. Mặc dù trong suốt thời Trung cổ các nước châu Âu bị chia tách thành các địa phương biệt lập với nhau dưới sự cai quản của lãnh chúa phong kiến và thế lực nhà thờ, song lực lượng sản xuất phát triển cao đã dẫn tới sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa do giai cấp tư sản đại diện. Loại hình dân tộc này gắn liền với quá trình hình thành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và nhân tố kinh tế - xã hội, nhân tố chính trị giữ vai trò quan trọng.

*Ba là, phương thức hình thành dân tộc ở khu vực Mỹ Latinh.* Đặc trưng chủ yếu của phương thức hình thành dân tộc ở khu vực này gắn liền với quá trình xâm lược thuộc địa, xâm chiếm các vùng đất mới từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX của các nước tư bản châu Âu. Các dân tộc ở khu vực Mỹ Latinh hình thành từ sự hợp nhất các bộ lạc, tộc người bản địa và nhóm người nhập cư từ châu lục khác trong quá trình xâm lược thuộc địa của chủ nghĩa thực dân châu Âu.

Như vậy, dù quá trình ra đời của các dân tộc có những đặc thù riêng, song quá trình đó luôn gắn liền với xã hội có giai cấp và nhà nước, đáp ứng các yêu cầu nội tại của các cộng đồng người. Do vậy, những chỉ dẫn

mang tính phương pháp luận đó luôn có giá trị vận dụng trong giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam.

***Thứ ba, vấn đề mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc.***

Dân tộc (quốc gia) ra đời trong bối cảnh xã hội có sự phân chia giai cấp và sau đó là giai cấp luôn gắn với dân tộc. Trong mỗi giai đoạn lịch sử của dân tộc, đều chứng kiến sự xuất hiện của một giai cấp tiên tiến nhất, được lựa chọn để đại diện cho dân tộc. Tuy nhiên, khi giai cấp đó không còn đáp ứng được yêu cầu thì dân tộc sẽ lựa chọn một giai cấp khác thay thế.

Trong suốt lịch sử nhân loại, ngay từ thời cổ đại, các đế chế hùng mạnh đã tiến hành những cuộc xâm lược nhằm bóc lột sức lao động, thu thuế, cống vật, vơ vét tài nguyên, mở rộng lãnh thổ. Ở phương Tây, nhà nước chiếm hữu nô lệ La Mã cổ đại đã tiến hành các cuộc chinh phục rộng khắp, từ châu Âu, Bắc Phi, Tây Á đến nhiều vùng đất khác và đặt ách cai trị lên nhiều dân tộc. Tại châu Á, trong thời kỳ cổ đại, trung đại, các đế chế phong kiến Trung Hoa, Mông Cổ cũng đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu nhằm áp đặt sự thống trị của mình lên các “cộng đồng nhược tiểu”. Các đế quốc ở vùng Địa Trung Hải và Trung Cận Đông như đế quốc Hy Lạp, Ba Tư, Ottoman cũng tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược giành địa vị bá chủ. Trong bối cảnh đó, nhiều dân tộc bị nô dịch, bị đồng hóa, thậm chí bị diệt vong, song cũng có nhiều dân tộc chiến đấu chống ách đô hộ, thoát khỏi nạn áp bức để giành lấy quyền tự quyết và giữ gìn bản sắc dân tộc.

Ở thời kỳ đầu của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, khi giai cấp tư sản tiến bộ, cách mạng, giai cấp này đã đóng vai trò quan trọng

trong việc hình thành cộng đồng dân tộc. Với tính ưu việt của phương thức sản xuất mới, giai cấp tư sản đã thúc đẩy quá trình chuyển biến các cộng đồng bộ tộc (có tính cát cứ, biệt lập) thành cộng đồng dân tộc. Ngược lại, sự hình thành của dân tộc cũng tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển, thúc đẩy quá trình sản xuất trên quy mô ngày càng rộng lớn, với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất mang tính xã hội cao. Trong giai đoạn đầu giai cấp tư sản còn đóng vai trò là giai cấp cách mạng, hệ tư tưởng tư sản là hệ tư tưởng tiến bộ. Hệ tư tưởng tư sản cũng là hệ tư tưởng của dân tộc, đại diện cho dân tộc. Đó là ngọn cờ tư tưởng tập hợp các giai tầng xã hội chống lại hệ tư tưởng phong kiến phản động.

Tuy nhiên, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã đẩy nhanh sự phân hóa trong lòng dân tộc tư sản. Giai cấp tư sản tăng cường bóc lột nhân dân lao động, trở thành lực lượng đối lập với dân tộc. Để bảo vệ và củng cố lợi ích của giai cấp mình, giai cấp tư sản nhiều khi còn hy sinh lợi ích dân tộc. Do vậy, quan hệ dân tộc trong thời đại tư bản chủ nghĩa là quan hệ diễn ra với những xung đột và đối kháng giữa giai cấp và dân tộc, giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Tình trạng này ngày càng mang tính phổ biến, trầm trọng và lan rộng trên toàn cầu, nhất là khi chủ nghĩa tư bản mở rộng quy mô, trở thành một thế lực có tầm ảnh hưởng quốc tế. Thông qua vô vàn thủ đoạn, nhất là phát động các cuộc chiến tranh xâm lược, tình trạng áp bức dân tộc ngày càng tàn khốc và nghiêm trọng.

C.Mác và Ph.Ăngghen là những người đầu tiên chỉ ra rằng, trong xã hội có giai cấp, ngoài áp bức giai cấp còn tồn tại áp bức dân tộc. Suy cho cùng, áp bức dân tộc bắt nguồn từ chế độ người áp bức, bóc lột người trong

xã hội phân chia giai cấp và có áp bức giai cấp. Để giải quyết những xung đột và đối kháng đó, C.Mác, Ph. Ăngghen cho rằng, về cơ bản, phải giải quyết tận gốc cơ sở làm nảy sinh nó, đó là nạn áp bức giai cấp. Do vậy, các ông kiên quyết chống áp bức dân tộc và ủng hộ việc giải phóng các dân tộc bị áp bức; trong đó, giai cấp công nhân là giai cấp triệt để cách mạng đấu tranh chống áp bức dân tộc: “Giai cấp vô sản chiến thắng giai cấp tư sản đồng thời còn có nghĩa là khắc phục tất cả những cuộc xung đột dân tộc và xung đột công nghiệp hiện nay đang sinh ra sự thù hằn giữa các dân tộc. Vì vậy mà thắng lợi của giai cấp vô sản với giai cấp tư sản đồng thời còn là dấu hiệu giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức”<sup>4</sup>. Theo đó, các nhà kinh điển đã tỏ rõ thái độ dứt khoát: “Hãy xoá bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ”<sup>5</sup>.

Muốn giải quyết một cách triệt để vấn đề dân tộc, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, phải đứng trên lập trường giai cấp vô sản, đó là phải tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của chính đảng của giai cấp công nhân nhằm thủ tiêu Nhà nước tư sản, xây dựng một Nhà nước kiểu mới, không còn đối kháng giai cấp và sử dụng bộ máy nhà nước cách mạng để tiến hành quá trình xây dựng cộng sản chủ nghĩa. Trên thực tế, cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể giành thắng lợi ở một nước riêng lẻ, mà chỉ có thể thắng lợi đồng thời ở nhiều nước. Vì vậy, giải quyết vấn đề dân tộc phải liên hệ và gắn liền với cuộc cách mạng vô sản và thắng lợi của giai cấp vô sản trước giai cấp tư sản là tín hiệu cho các dân tộc vùng lên giải phóng khỏi áp bức bóc lột; đoàn kết quốc tế của phong trào giải phóng dân tộc và cách

mạng vô sản là điều kiện cần thiết cho sự nghiệp giải phóng loài người. Để lật đổ nhà nước tư sản, giai cấp vô sản tất cả các nước phải liên hiệp lại với tinh thần: “VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC ĐOÀN KẾT LẠI!”<sup>6</sup>.

***Thứ tư, về bình đẳng, đoàn kết dân tộc.***

Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh vấn đề bình đẳng dân tộc: “...sự bình đẳng giữa các dân tộc cũng cần thiết như sự bình đẳng giữa các cá nhân”<sup>7</sup>. Theo Ph.Ăngghen, quyền bình đẳng giữa các dân tộc gắn với tự do của con người và mang tính chất chung, toàn cầu, không chỉ trong phạm vi quốc gia “bình đẳng phải mang một tính chất chung, vượt ra ngoài ranh giới của một quốc gia riêng biệt, là tự do và bình đẳng phải được tuyên bố là những quyền của con người”<sup>8</sup>. Tuy nhiên, trong xã hội tư bản, quyền bình đẳng giữa các dân tộc với tư cách là quyền con người đã phản ánh “đặc thù tư sản”. Ph.Ăngghen phê phán “cái đặc thù tư sản” ấy thể hiện trong Hiến pháp của nước Mỹ, rằng: “Hiến pháp của nước Mỹ, hiến pháp đầu tiên thừa nhận quyền của con người, đồng thời cũng lại chuẩn y luôn cả chế độ nô lệ của người da màu đang tồn tại ở nước Mỹ; đặc quyền giai cấp bị cấm chỉ, đặc quyền chủng tộc được thần thánh hóa”<sup>9</sup>.

Như vậy, quyền bình đẳng giữa các dân tộc không chỉ giới hạn trong biên giới lãnh thổ quốc gia mà còn vượt ra ngoài quốc gia, trở thành giá trị phổ quát của nhân loại. Thực hiện quyền bình đẳng dân tộc là điều kiện quan trọng để chống lại chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sắc tộc và chủ nghĩa sô vanh. Do vậy, để có sự bình đẳng, đoàn kết thật sự, chặt chẽ và lâu dài, theo Ph.Ăngghen, phải xóa bỏ áp bức giai cấp - nguồn gốc nảy sinh bất bình đẳng, áp bức dân tộc.

C.Mác và Ph.Ăngghen ủng hộ các phong

trào giải phóng dân tộc, nêu rõ vấn đề dân tộc có mối quan hệ chặt chẽ với vấn đề giai cấp. Vì vậy, trong quá trình thực hiện cách mạng phải liên minh giai cấp, liên minh công nhân của các dân tộc để chống lại liên minh giai cấp tư sản các dân tộc, đồng thời, vận dụng suy luận, phán đoán, bất cứ dân tộc nào khi nó vẫn đang áp bức dân tộc khác, không thể trở thành dân tộc tự do.

**2. Vận dụng nội dung cốt lõi của C.Mác và Ph.Ăngghen về dân tộc trong giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam hiện nay**

Để giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam, trong suốt tiến trình cách mạng, công tác dân tộc nói chung, xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc nói riêng luôn được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Thời gian qua, những kết quả to lớn có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam luôn có sự đóng góp quan trọng của việc đổi mới công tác dân tộc và chính sách dân tộc. Xuyên suốt các kỳ đại hội và gần đây Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh quan điểm nhất quán, đó là: “Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển”<sup>10</sup>. Trong bối cảnh đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tinh thần của Ph.Ăngghen nói riêng về vấn đề dân tộc để tiếp tục giải quyết hiệu quả các vấn đề dân tộc.

***Thứ nhất, thực hiện đại đoàn kết, bình đẳng dân tộc.***

Trong bối cảnh hiện nay, tinh thần đoàn kết, bình đẳng dân tộc là những nguyên tắc cơ bản, nhất quán cần thực hiện. Tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc là giá trị truyền thống quý báu được hình thành, vun đắp và phát huy trong suốt tiến trình cách mạng dựng nước và

giữ nước của dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân ta đã nhất tề đứng lên đấu tranh, giành chính quyền làm nên cuộc Cách mạng giành độc lập cho dân tộc và quyền tự do cho Nhân dân. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, các dân tộc cần phát huy sức mạnh nội lực, đoàn kết một lòng, góp sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*”<sup>11</sup>. Đây là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của mỗi dân tộc và để hiện thực hóa được quyền bình đẳng, cần xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc và chỉ có như thế thì mới tạo nên sức mạnh để dựng nước và giữ nước. Trong *Thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Plâycu*, ngày 19-4-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau”<sup>12</sup>.

Trước đây, trong các kỳ Đại hội Đảng đã nhiều lần nhắc đến vấn đề các dân tộc đoàn kết, bình đẳng, nhưng hiện nay vấn đề “bình đẳng” đã được đặt trước “đoàn kết”. Điều đó là do bình đẳng chính là cơ sở, tiền đề để thực hiện đoàn kết dân tộc. Bình đẳng dân tộc là thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các dân tộc ở Việt Nam, “thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp nhân dân; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số”<sup>13</sup>.

Chỉ có rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc thì mới khơi dậy và phát huy sức mạnh đoàn kết thực sự giữa các dân tộc; đồng thời, đây cũng là cách thức để loại bỏ “mảnh đất màu mỡ” mà các thế lực thù địch đã lợi dụng nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực tế cho thấy, bình đẳng dân tộc là không phân biệt dân tộc nhỏ hay lớn, trình độ phát triển cao hay thấp, mà các dân tộc đều có quyền ngang nhau. Quyền bình đẳng phải được bảo đảm trên cơ sở pháp lý, nhưng điều quan trọng hơn là phải được thực thi. Mặt khác, thực hiện bình đẳng dân tộc phải toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội..., không để ai “bị bỏ lại phía sau”.

Điều 5, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống [...] Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”<sup>14</sup>. Điều này tương thích với tinh thần của Ph.Ăngghen khi cho rằng, tôn trọng khách quan hình thái dân tộc (trong giai đoạn lịch sử cụ thể); đồng thời, hướng đích tới một cộng đồng chính trị nơi khác biệt dân tộc không còn là nguồn gốc bất bình đẳng. Hiện nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm ưu tiên nguồn lực, tạo động lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phát triển bền vững. Các chính sách đang chuyển trọng tâm từ “trợ cấp theo dân tộc” sang trao quyền dựa trên quyền công dân và nhu cầu. Các chính sách không chỉ tập trung vào phát triển kinh tế mà còn hướng đến các vấn đề văn hóa, xã hội, thu hẹp chênh lệch dịch vụ cơ bản (giáo dục, y tế, nước sạch, vệ sinh, hạ tầng số...) giữa vùng đa số với vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên tiếp cận dựa trên dữ liệu để có chính sách phù hợp. Bảo đảm tiếng nói đại diện và cơ chế tham vấn chính sách của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

*Thứ hai, các dân tộc tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển.*

Việt Nam là quốc gia có nhiều dân tộc, mỗi dân tộc đều có đặc điểm riêng và sự chênh lệch trên mọi mặt như số lượng dân số, trình độ phát triển, mức sống... Do vậy, để cùng phát triển, các dân tộc phải tôn trọng, đoàn kết, gắn bó, cùng giúp đỡ nhau trên tinh thần yêu thương, chia sẻ trong sản xuất cũng như đời sống xã hội.

Quan điểm của Ph.Ăngghen nhấn mạnh vai trò quan hệ sản xuất - sở hữu và đấu tranh giai cấp trong giải thích hiện tượng “dân tộc”. Vấn đề gốc rễ trong quan hệ dân tộc cần giải quyết là kinh tế - xã hội, sự bất bình đẳng cơ hội, tiếp cận đào tạo - việc làm, sinh kế (đất, rừng, nguồn lực...), dịch chuyển cơ cấu lao động. Thấm nhuần quan điểm đó, Việt Nam đã ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi, nhằm thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng trong cả nước. Tại Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định: “Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo có những chính sách đặc thù giải quyết khó khăn cho *đồng bào dân tộc thiểu số*; thực hiện tốt *đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc*”<sup>15</sup>. Đồng thời, “thúc đẩy tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên thoát nghèo và giảm nghèo đa chiều bền

vững”<sup>16</sup>.

*Thứ ba, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giai cấp - dân tộc.*

Theo quan điểm của các nhà kinh điển, sự hình thành dân tộc luôn gắn với vai trò của giai cấp, do một giai cấp nhất định đại diện. Giai cấp đại diện cho dân tộc phải là giai cấp tiên bộ, có khả năng đáp ứng lợi ích chân chính, thúc đẩy sự phát triển của dân tộc. Giữa dân tộc và giai cấp có mối quan hệ rất chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Tình trạng áp bức giai cấp sẽ dẫn tới áp bức dân tộc, do vậy, để giải quyết triệt để tình trạng áp bức dân tộc cần khắc phục triệt để căn nguyên dẫn đến tình trạng đó, đó là nạn áp bức giai cấp. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, cuộc đấu tranh giai cấp trước hết diễn ra trên địa hạt dân tộc nên giai cấp công nhân trước hết phải đủ sức đại diện cho dân tộc, phải “tự mình trở thành dân tộc”.

Thực tiễn lịch sử Việt Nam cho thấy, nhờ giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lãnh đạo Nhân dân giành lại độc lập cho dân tộc, vững bước tiến lên xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong công cuộc đổi mới, việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc đã đưa lại những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Những thành tựu đó khẳng định, Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ đại diện cho giai cấp lãnh đạo mà còn là người đại diện chân chính cho dân tộc. Do đó, để đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội cần tiếp tục kiên định mục tiêu giai cấp, đồng thời bảo đảm cao nhất lợi ích của quốc gia - dân tộc.

*Thứ tư, chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và chủ nghĩa đại dân tộc; kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế.*

Từ lập trường giai đoạn 1848-1849 đến

những lá thư về Ba Lan, Ireland, C.Mác và Ph.Ăngghen nhất quán chống các hình thức áp bức dân tộc và đại dân tộc; đồng thời, khẳng định lợi ích người lao động liên kết quốc tế. Việt Nam luôn kiên quyết phản đối các hình thức cực đoan của chủ nghĩa dân tộc như chủ nghĩa hẹp hòi, ích kỷ hoặc chủ nghĩa bành trướng, nước lớn, tư tưởng thượng đẳng... Trong chính sách đối ngoại, Việt Nam hướng đến kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Điều này đã được thể hiện qua các nguyên tắc hiến định và chính sách đối ngoại: Độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đồng thời, tôn trọng đa dạng văn hóa hài hòa với lợi ích của các đối tác, lợi ích chung của khu vực và quốc tế: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”<sup>17</sup>.

Hiện nay, trong bối cảnh mới, đường lối đối ngoại và hợp tác quốc tế của Việt Nam luôn nhất quán “độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại”<sup>18</sup>; “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt

Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”<sup>19</sup>. Với tinh thần “ngoại giao cây tre” Việt Nam không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế và các phong trào tiến bộ, hòa bình trên toàn thế giới.

Như vậy, giá trị lý luận bền vững của Ph.Ăngghen về vấn đề dân tộc chính là ở phương pháp lịch sử - biện chứng, nhìn dân tộc trong quan hệ với giai cấp, nhà nước, và điều kiện vật chất - văn hóa cụ thể. Chính vì vậy, khi vận dụng vào bối cảnh Việt Nam hiện nay phải lấy đại đoàn kết dân tộc làm nền tảng, gắn với bình đẳng thực chất và phát triển bao trùm; chống dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi; đồng thời, phát huy tinh thần yêu nước - quốc tế; nâng cao năng lực nhà nước hiện đại để quản trị đa dạng và thu hẹp dần bất bình đẳng. Mặc dù bối cảnh hiện nay đã có nhiều thay đổi nhưng tư tưởng, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung; C.Mác và Ph.Ăngghen nói riêng về dân tộc vẫn bền vững và mang tính thời đại - là cơ sở lý luận, phương pháp luận đúng đắn để giải quyết vấn đề dân tộc ở các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam ■

<sup>1</sup> Đã có thời kỳ khá dài người ta cho rằng sự hình thành dân tộc trải qua ba “mắt xích”: Thị tộc - Bộ lạc - Bộ tộc rồi mới thành dân tộc. Những năm gần đây, nhiều người cho rằng không có Bộ tộc mà chỉ có hai “mắt xích trung gian” là Thị tộc và Bộ lạc. (Xem: GS. Phan Hữu Dật, *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.22-23).

<sup>2</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.3, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.72.

<sup>3, 4, 5</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, t.4, tr.602-603, 527, 624.

<sup>6</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, t.4, tr.646.

<sup>7</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, t.39, tr.125.

<sup>8, 9</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Sđd*, t.20, tr.153, 153.

<sup>10, 15, 17, 18, 19</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.50, 50, 161-162, 161, 162.

<sup>11, 12</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.1, 646.

<sup>13, 16</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2025, tr.35, 52.

<sup>14</sup> Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Điều 5.